

Giới Thiệu Sách:

TIẾNG VIỆT TUYỆT VỜI

của Đỗ Quang Vinh

Nguyễn Nguyên

Cách đây vài năm, người viết tình cờ mượn được tại một thư viện địa phương quyển *Tiếng Việt Tuyệt Vời* của Đỗ Quang Vinh, ấn bản đầu 1994 tại Toronto – Canada. Đọc qua quyển *Tiếng Việt Tuyệt Vời* người viết cảm thấy mình khám phá ra một cái gì mới lạ về chính tiếng mẹ đẻ, và thêm ngưỡng mộ khi đọc phần phụ trương, bài thơ thất ngôn bát cú đọc xuôi đọc ngược do ông sáng tác. Rồi thời gian trôi qua mau. Mới đây khi truy cập mạng internet, nhân đọc bài điểm sách của Khải Chính Phạm Kim Thư giới thiệu cuốn “Bút Thuật của Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh” do Đỗ Quang Vinh tự xuất bản, người viết tìm vào trang nhà của tác giả:

www.geocities.com/doquangvinhvenguan

mới có thêm được quyển:

“*Tiếng Việt Tuyệt Vời*” ấn bản lần thứ hai, năm 2000.

Có nhiều “tặng bổ” trong lần in thứ hai, chính yếu gồm:

- Thơ đọc xuôi đọc ngược, theo Đường luật và lục bát đọc vận liên hoàn;
- Khi nào viết I ngắn, viết Y dài (Chương 6)
- Tiếng Việt với triết lý âm dương và Đạo Sống Thái Hoà (Chương 8).

Ấn-tượng mạnh mẽ nhất vẫn là cái lối làm thơ “đọc ngược đọc xuôi” của tác giả, không phải chỉ là thơ Đường luật như lần trước, mà còn đặc biệt thơ lục bát đọc xuôi đọc ngược liên hoàn, lần đầu tiên được đề xuất trên văn đàn Việt-Nam. Lối thơ đọc ngược đọc xuôi này do tác giả sáng tác từng xuất hiện trong tập thơ Về Nguồn do Đỗ Quang Vinh tự xuất bản (1999). Xin trích dẫn sau đây:

1- VỌNG XUÂN THANH BÌNH

*Đông tàn, đã thấm rộ đào, mai,
Tết chúc mừng: vinh, phúc, lộc, tài.
Sông núi rộn reo hò chón chón,
Thị-thành vang hát xướng nơi nơi.
Mong chờ, vẫn biển ngàn ngăn cách,
Đợi ngóng, hàng năm tháng miệt mài.
Lòng héo úa thêm chồng chất tuổi,
Nông, sâu, đục nước chuyện cùng ai?*

Đọc ngược, sinh ra một bài thơ khác, vẫn giữ tính thơ:

*Ai cùng chuyện nước đục, sâu, nông?
Tuổi chất chồng thêm héo úa lòng.
Mài miệt tháng năm hằng ngóng đợi,
Cách ngăn ngàn biển vẫn chờ mong:
Nơi nơi xướng hát vang thành thị,
Chón chón hò reo rộn núi sông,
Tài, lộc, phúc, vinh, mừng chúc Tết,*

Mai, đào rộ thắm, đã tàn Đông.

2. VỌNG CỔ HƯƠNG

[lục bát đọc vận liên hoàn thuận nghịch đọc]

(2 câu đầu đọc xuôi, 2 câu kế tiếp đọc ngược)

*Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông mênh vàng thắm núi sông buôn làng.
Đồng nương nhuộm nắng chang chang,
Làng buôn sông núi thắm vàng mênh mông.*

*Trông vời tổ quốc Tiên Rồng
Bồng bênh mong nhớ nặng lòng sao đong?
Rồng Tiên quốc tổ, vời trông,
Đong sao lòng nặng nhớ mong bênh bồng*

(liên hoàn, đọc trở lại liên tiếp)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
v...v... (trang 33)

Cũng vẫn lối thơ đọc xuôi đọc ngược, sau này trong bài “*Hồn Nước Trong Thơ Việt*” đăng ở tạp chí Định Hướng Paris số 28 và 29 mùa đông 2001, tác giả lại đề xuất thêm một khám phá mới là thơ song thất lục bát đọc xuôi đọc ngược liên hoàn. Điều này đã làm tăng sức thuyết phục “Tiếng Việt” quả thật “Tuyệt Vời.”

Điểm sáng chói nhất của “Tiếng Việt Tuyệt Vời” ấn bản 2000, có lẽ là lối bố cục chặt chẽ của quyển sách. Với chủ yếu chứng minh tại sao tiếng Việt lại tuyệt vời, và tuyệt vời ở chỗ nào. Tự trung quyển sách có 8 chương, cộng với phần Kết Luận, Phụ Lục và Tài Liệu Trích Dẫn. Dẫn chứng gần như ở mỗi trang là những câu ca dao, thành ngữ, lối chơi chữ, nói lái, những thứ tiếng đôi, tiếng kép, Luôn cả những câu nói châm biếm xuất hiện từ chôn dân gian. Kể cả những câu thường dùng ở Sài Gòn trong những năm cuối thập kỷ 1970.

Chương 1 trước hết phân tích thật kỹ tính chất cơ bản của cấu trúc đơn âm. Đơn âm hay chỗ nào và đóng góp vào “tuyệt vời” ra sao. Ngoài ở cấu trúc đơn âm, tuyệt vời của tiếng Việt nằm ở chỗ ai học cũng được! Một loại ngôn ngữ rất dễ học, không ép buộc người xử dụng phải uyển chuyển thay đổi giống đực giống cái, hay chia động từ và giới từ như tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, cổ ngữ La-tinh, v.v.

Nhưng dễ không có nghĩa không phức tạp, không độc sáng, và không giàu ngữ tính. Qua nhiều thí dụ viện dẫn, người đọc có thể thấy ngay muốn dịch hết một lô các từ chỉ trạng thái, người dịch chắc phải cùng một lúc Hàn Lâm Viện Học Sĩ tại Việt Nam và cũng một nhà thông thái về ngôn ngữ học tại một quốc gia khác. Thí dụ làm thế nào để dịch tất cả các lối nói sau đây ra tiếng Anh, dùng để tả lối ngồi - ngồi ghép thêm với một số thuộc từ: ngồi xôm, ngồi bó gối, ngồi duỗi chân, ngồi xếp bằng tròn, ngồi chống nạnh, ngồi bắt chân chữ ngũ (ngồi bắt chéo), ngồi vắt vẻo, ngồi ngھễu ngھệ, ngồi ngát ngêu, ngồi nhấp nhòm, ngồi bảnh choẹ, ngồi một đống, . . . (trang 83, Chương 3).

Chương 2 và Chương 3 nhắc nhở chúng ta tiếng Việt giàu ý tứ, súc tích, và giàu từ. Giàu ý tứ nhờ ở tính cách đa dạng của tiếng Việt qua việc vay mượn nhiều từ ngữ ở kho tàng Hán Việt. Rồi ở lối tượng thanh tượng hình, gợi cảm. Thí dụ, cũng cùng một mô tả trạng thái hoặc hình dung “Cao”, tiếng Việt có: *Giọng hát cao vút. Tiếng sáo vi-vu. Núi cao vòi vọi. Tháp vươn chót vót. Nỗi buồn rười rượi. Niềm yêu da diết*, v.v. Rồi nước mưa: *Mưa lộp độp trên mái ngói, lẹt đẹt trên sân gạch, gõ lũng tung vào mái tôn, rỏ tí tách dưới mái hiên, rơi long tong vào bể nước, chảy ồ ồ từ cống rãnh tuôn ra, đổ ào ào như thác lũ.*

Giàu từ ở chỗ các tiếng được tạo nên bởi cảm xúc, như ca dao:

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đống lửa như ngồi đống than

Ở chỗ nhiều từ mang đồng âm dị nghĩa, một lời nhưng hai nghĩa.

Gái Đồ Sơn son đỏ ngấm Đồ Sơn

Trai Hòn Lớn lớn hòn giữ Hòn Lớn [1]

Cũng ở chỗ tùy theo giọng nói, tuy cùng một từ:

Họ giàu họ nghinh hôn giá thú

Hai đứa mình nghèo dụ dỗ nhau đi (Ca dao)

So sánh với:

Họ là những anh hùng không tên tuổi

Sống âm thầm trong bóng tối mênh mông (Đặng Phương)

“Họ” trong hai trường hợp trên thường mang phát âm khác nhau. “Họ” trong ca dao mang ý coi thường khinh thị, nhưng trong hai câu thơ sau mang ý kính phục.[2]

Theo tác giả những biểu từ khả xúc không những là nhớ tính tiếng tượng thanh, tượng hình, gợi cảm, như vừa đề cập, mà còn là nhờ vận dụng cách phát âm và sử dụng dấu giọng để hình thành. Chẳng hạn trong đoạn văn phân tích thật thấu đáo câu thơ sau đây, tác giả đã cho người đọc thấy tại sao nó hay, hay đến thế nào, và hay như thế nào?

“Những luồng run rẩy rung rinh lá”

Những biểu từ “run rẩy, rung rinh” hết sức gợi hình do cách xử dụng phụ âm và mẫu âm. Phụ âm R bắt phải cong và rung đầu lưỡi cho ta hình dung ngay ra dao động của lá cây, hình như cũng đang chia sẻ cái giá rét mà run lẩy bẩy. Âm “un, ây” trong động từ “run rẩy” được thêm dấu trắc-thanh (dấu hỏi) có giọng đọc mạnh và khắc khổ hơn cho ta nhìn thấy lá cây chợt rung động mạnh khi luồng gió ủa tới len lõi qua cành cây kẽ lá. Rồi từ âm “ung” sang âm “inh”, môi đang chúm lại, chợt khẽ mở dài sang hai bên mép, phát âm nhịp nhàng như cử động nhịp nhàng của nhánh lá dập dềnh lên xuống. Những phân tích về tác động của cách phát âm, của dấu giọng còn được tác giả trình bày nhiều, nhiều nữa. Nói chung, cấu trúc của những biểu từ, tượng thanh, rất thông thường gợi hình được bởi lối sử dụng đặc cách các phụ âm và mẫu âm thích hợp, bắt vận dụng thích nghi lưỡi và môi miệng, cũng như gieo “nốt” nhạc cho từ. (trang 39-40).

Theo sự phân tích tỉ mỉ của tác giả, tiếng Việt so với rất nhiều ngôn ngữ rất giàu từ. Đầu tiên phải kể đến cách xưng hô: Cụ, ông, bà, anh, chị, mày, mi, . . . Sau đó cùng một thứ động tác, tiếng Việt có rất nhiều cách diễn tả. Mang cùng nghĩa với động từ

porter trong tiếng Pháp, tiếng Việt có: mang, bung, bông, vác, đem, cấp, gánh [3].
Thẻ phủ định gồm: Không, Khôn (khôn lường), chẳng, chả (em chả dám đâu), . . .

Giàu từ còn ở chỗ tiếng Việt bởi lợi điểm đơn âm có rất nhiều kiểu “nói lái”. Thí dụ: thủ tục “đầu tiên” mang nghĩa “tiền đầu”, “chà đồ nhôm = chôm đồ nhà”, . . . Và ở chỗ mỗi địa phương thường có một số phương ngữ khác nhau, . . .

Chương thứ 4, tác giả phân tích “sự việc” tiếng Việt không ngừng sáng tạo. Nhưng lối sáng tạo rất độc sáng, khác rất xa những sinh ngữ khác. Đây chính là điểm tuyệt vời mang đầy tính đặc trưng tiếng Việt. Thí dụ, bằng lối thay đổi dấu: xinh xinh là xinh, bé tí tí. Hay bằng lối điệp ngữ mang ý nghĩa khác: Đo đo = hơi đỏ. Vòng ngọc màu xanh xanh = xanh hơi nhạt. Hoặc theo lối kết hợp từ: an-vui, loanh quanh, luẩn quẩn, cảm nghĩ = rung cảm và suy nghĩ, tạo dựng = tạo lập + xây dựng.

Chương thứ 5 viết về tính cách duyên dáng của tiếng Việt. Từ những lối nói bóng bẩy, xỏ xiên, cay độc, đến lối dí dỏm mang đầy tính cười đùa. Tác giả cũng phân tích trong Chương này phát âm mang đầy nhạc tính của tiếng Việt do ở tính trầm bổng uyển chuyển của các dấu và đặc tính của đơn âm. Để chứng minh tính nhạc là một nét đặc thù của tiếng Việt, tác giả minh họa thang âm tiếng Việt đối chiếu với khuôn dạng của dòng nhạc.

Chương 6 là một Chương khá dài phân tích Âm và Thanh trong tiếng Việt. Chương này dùng nền tảng khoa Ngữ Học để phân tích các tương quan giữa nguyên âm, mẫu âm và phụ âm. Rồi dẫn đến việc phân tích rất nghiêm túc vấn đề: Khi nào dùng I-ngắn – khi nào dùng Y-dài. Phân biệt giữa C và Q. Đây chính là một trong những cái “đỉnh” của quyển sách. Mặc dù xử dụng nhiều ngôn từ của ngành Ngữ Học, nhưng khác với những bài viết của nhiều nhà ngữ học, *lời văn của Chương 6 này rất đơn giản và dễ hiểu*. Một vài sự tâm về khác biệt trong lối phát âm theo địa phương cũng được trình bày trong Chương này. Ông cũng phân tích một cách thuận lý khi phân biệt mẫu âm chính gốc với mẫu âm biến dạng thay vì một số người quen gọi vẫn xuôi vẫn ngược, và rất tỉ mỉ khi mô tả những điểm phát âm với cách vận dụng môi miệng răng lưỡi.

Chương 7 và Chương 8 dành ở phía cuối nhìn tiếng Việt từ một góc cạnh lịch sử và triết học. Chương 7: Tiếng Việt và Vận Mệnh Quốc Gia. Chương 8: Tiếng Việt với Triết Lý Âm Dương và Đạo Sống Thái Hoà. (Chương 8 được bỏ tước trong ấn bản lần thứ 2). Hai chương này đã chứng minh trên góc nhìn “vĩ mô” tại sao tiếng Việt tuyệt vời như vậy. Chương 7 cho thấy tiếng Việt vẫn giữ vẹn bản sắc của nguồn cội dân tộc Việt Nam. Đó là nguồn cội Mã Lai và Đa Đảo, khác biệt với Hán tộc ở Bắc phương. Chương 8 có lẽ sáng chói nhất với giải thuyết tiếng Việt phản ảnh đầy đủ triết lý Âm Dương và Đạo sống Thái Hoà của dân Lạc Việt. Tác giả kết nối những hình vẽ biểu hiệu cho Triết Việt trên những trống đồng Đông Sơn, trong cổ thư, đến tính chất Âm Dương trong tiếng Việt.

Những gì có thể biểu tượng cho triết lý Âm Dương trong tiếng Việt?

Theo giáo sư Đỗ Quang Vinh, “cơ cấu song hành” trong những điểm đặc trưng sau đây của ngôn từ tiếng Việt chính là biểu tượng triết lý Âm Dương của dân Lạc Việt:

(i) Lối nói đối xứng: *Bê ngoài thon thót nói cười / Mà trong nham hiểm giết người không dao (Kiều)*.

Trong ngữ vựng ta có: lòng người đen-bạc / biết đường lui tới

Trong thành ngữ: nói trước quên sau / than dài thở vắn
Trong tục ngữ, ca dao: Thương nhau lắm, cắn nhau đau / Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại.

(ii) Lối cấu trúc song trùng:

Theo lối lặp lại: Đêm sao đêm tối mãi mò-mò (Trần Tế Xương)

Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh (Kiều)

Theo lối kết hợp: lung-lay, lẩn lộn, quá quắt, ôm ấp, viết lách, hiền lành, .v.v.

Theo lối ghép tiếng đệm: hay ho, rác rưởi, rải rác, gò ghề, ngổ ngàng, tan tành

Đơn giản hoá cụm từ thành còn 2 từ: một trăm ba mươi => trăm ba

Về mặt ngữ pháp, triết lý Âm Dương được thể hiện qua các loại từ, như phân biệt tĩnh với động, như phân biệt giống đực giống cái nhưng không có trung tính, như cấu trúc lưỡng âm của tiếng Việt.

Nguyên lý Âm Dương và đạo sống Thái hoà của Việt tộc còn được quyển sách diễn giải, trong Chương 8, qua những điểm đặc thù của ca dao Việt Nam, của tiến trình thuận lý tự nhiên, của phân tán nhị nguyên phối hợp với huyền đồng nhất thể, v.v.

Nhìn chung, “Tiếng Việt Tuyệt Vời” của Gs Đỗ Quang Vinh là một quyển sách với lối hành văn giản dị trong sáng nhưng không kém phần uyển chuyển thanh tú. Những thí dụ viện dẫn trong bài tự chúng cũng là một nguồn tài liệu tham khảo hiếm có về ngữ ngôn tiếng Việt với những đặc tính tuyệt vời. Đối với một hai chương cần sử dụng ngữ học, có lẽ không như những quyển sách hoặc bài viết của những nhà ngữ học uyên bác, quyển sách lần đầu tiên đã trình bày vấn đề cho người đọc thuộc mọi giới có thể đọc và hiểu được dễ dàng.

Tuyệt vời của “Tiếng Việt Tuyệt Vời” là ở chỗ đó..

Ghi Chú

[1] Các câu đối này có lẽ là cội nguồn của các câu hiện đại, không được thanh:

Gái Củ Chi chỉ . . . hỏi Củ Chi.

Trai Đà Lạt lạc đà rời Đà Lạt

[2] Xin góp ý: Ngôn ngữ nào cũng vậy, nhưng nhấn mạnh ở chỗ tiếng Việt không thua tiếng nào hết ở phương diện này. Tùy theo cách nhấn mạnh phát âm, một từ có thể mang dụng ý hoặc ý nghĩa khác. Thí dụ trong tiếng Anh đọc sáng nhất có lẽ ở câu nói rất giản đơn: I had it. Nếu phát âm HAD theo kiểu vui, thoải mái, “I had it” có thể mang nghĩa: Tôi đạt được rồi, tôi có chiếc xe đẹp đó rồi, tôi được thị thực xuất ngoại rồi, tôi mua được vé máy bay đi Hạ Uy Di, . . . Nhưng nếu đọc nhanh HAD và HAD__ IT liền nhau, I had it hoàn toàn mang ý nghĩa BAD LUCK! thiếu may mắn. I had_it có thể mang nghĩa: Tôi bị phá sản rồi. Đào ní đã bỏ tôi rồi. Một nhân viên trụ cột của hãng tôi đã từ chức. Tôi bị thua lỗ vì cổ phiếu Dot.Com bị sụt giá dữ dội.

[3] Cũng giống như ghi chú [2]: sinh ngữ nào cũng vậy. Cũng cùng một ý nhưng rất nhiều từ khác nhau được dùng diễn tả ý đó. Thí dụ “porter” tiếng Tây, tiếng Anh là “to carry”. Tra một quyển tự điển Thesaurus ta sẽ thấy những động từ đồng nghĩa hoặc tương đương với “to carry” gồm có: to bear, to bring, to haul, to transport, to convey, to move, to send, to pass, to take, v.v.